

Bản án số: 36/2021/HS-ST  
Ngày 29-4-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Văn Cần.

2. Ông Triệu Phúc Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Lò Thị Kèo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tráng A C, tên gọi khác: Không, sinh năm 1983 tại huyện T, tỉnh Lai C. Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tráng A L (đã chết) và con bà: Vàng Thị D - sinh năm: 1968; vợ: Lý Thị K - sinh năm 1984; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Lai C từ ngày 23/12/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

Anh Phạm Văn T1 - sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh: Trần Văn T - sinh năm 1974 (có mặt).

Trú tại: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 02/12/2020, Tráng A C đi bộ từ nhà của mình xuống nhà Phạm Văn T1 mục đích để trộm thóc của gia đình anh T1 mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến nhà anh T1, C đi tìm kiếm và thấy chùm chìa khóa được cất giấu ở trên nóc chuồng gà. C lấy chìa khóa mở cửa đi vào bên trong nhà thấy có nhiều thóc đã được đóng vào bao nên đã vác 02 bao thóc mang sang để trước cổng nhà Trần Văn T (nhà anh T cách nhà anh T1 khoảng 30m). Sau đó C gọi anh T ra để bán thóc cho anh T nhưng không nói cho anh T biết thóc là do C lấy trộm, Anh T đồng ý mua thóc và lấy cân loại 100 kg ra để cân hai bao thóc thì được tổng khối lượng 85 kg. Lúc này C và anh T thỏa thuận giá mua bán thóc là 100.000 đồng/10kg, cân 02 bao thóc xong thì anh T hỏi C còn có thóc bán không? C trả lời còn và tiếp tục đi sang nhà T1 lấy trộm thêm 09 bao thóc nữa mang sang nhà T để bán. Sau khi C vác được tổng cộng là 11 bao thóc đi ra khỏi nhà anh T1 thì C khóa cửa lại và cất chùm chìa khóa tại vị trí cũ. Tổng số bao thóc mà C trộm cắp của gia đình anh T1 là 11 bao, có tổng khối lượng 441 kg với giá 100.000 đồng/10 kg. Số tiền anh T trả cho C 4.410.000 đồng nhưng do trước đó C mua nợ 01 con ngan nên C và anh T thống nhất số tiền 410.000 đồng sẽ trừ vào tiền nợ mua ngan, còn lại 4.000.000 đồng, C đồng ý. Do lúc này anh T không đủ tiền nên anh T trả trước 3.000.000 đồng và xin nợ lại 1.000.000 đồng sẽ trả sau, C đồng ý. Bán thóc cho anh T xong C cầm tiền đi bộ về nhà, số tiền bán thóc C đã tiêu sài cá nhân hết.

Vật chứng của vụ án gồm: Tổng số 11 bao thóc, trong đó 09 bao là loại thóc Sém cù và 02 bao là loại thóc thường (thóc Việt Lai).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 08/12/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên kết luận tổng giá trị 80 kg thóc thường (*thóc Việt Lai*) có giá trị: 560.000 đồng và 361 kg thóc sém cù có giá trị 5.415.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá: 5.975.000 đồng.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-TU ngày 05/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu truy tố Tráng A C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s; b; i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tráng A C mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Văn T số tiền 2.200.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị hại Phạm Văn T1 khai đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường dân sự, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo Tráng A C hoàn trả số tiền còn thiếu do anh T đã bỏ ra để mua thóc là 2.200.000 đồng.

Bị cáo Tráng A C đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Tráng A C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 02/12/2020, tại nhà anh Phạm Văn T1, Tráng A C đã thực hiện hành vi trộm cắp 11 bao thóc, trong đó 09 bao thóc loại thóc sém cù có tổng khối lượng 361 kg, trị giá 5.415.000 đồng và 02 bao thóc loại thóc thường (*thóc Việt Lai*) có tổng khối lượng 80 kg, trị giá 560.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C trộm cắp là 441 kg thóc có tổng giá trị là: 5.975.000 đồng.

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b; s; i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do đó xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quy định và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo làm ruộng thu nhập thấp và không ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại anh Phạm Văn T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo Tráng A C hoàn trả số tiền còn thiếu do anh T đã bỏ ra để mua thóc là 2.200.000 đồng, xét thấy yêu cầu của anh T là phù hợp và có căn cứ nên cần xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về các vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với Trần Văn T là người mua 11 bao thóc mà Tráng A C trộm cắp, quá trình điều tra, xác minh T không biết số tài sản trên là do C trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với Trần Văn T về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tráng A C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Tráng A C: **06 (sáu)** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Tráng A C.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579; Điều 580 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Tráng A C có trách nhiệm hoàn trả cho anh Trần Văn T, sinh năm 1974, trú tại bản Tân Bắc, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tráng A C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSV.A./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Oanh**